

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Luật An toàn thực phẩm**

Kính gửi: Bộ Y tế

#### **Phần thứ nhất**

### **KẾT QUẢ TRIỂN KHAI LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM**

#### **I. THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM (ATTP)**

##### **1. Công tác ban hành văn bản QPPL theo thẩm quyền**

a) Thực hiện Luật An toàn thực phẩm, Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành các văn bản: Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 về việc ban hành Quy định Quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống và kinh doanh thức ăn đường phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 sửa đổi bổ sung một số điều của QĐ số 37; Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn. Sau đó để thống nhất việc phân công phân cấp trên địa bàn toàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 quy định phân công phân cấp và quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

##### **b) Đánh giá:**

Ngay sau khi các văn bản triển khai thực hiện các nghị định của các Bộ được ban hành; các ngành Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương đã chủ động phối hợp tham mưu UBND tỉnh, đồng thời chủ động ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, thời gian, tiến độ... theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Nhìn chung, công tác tham mưu UBND tỉnh với vai trò thành viên Ban chỉ đạo ATTP tỉnh đã chủ động, kịp thời, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, đúng qui định. Trong 10 năm qua các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP đã được ban hành đầy đủ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Tuy nhiên, sự thống nhất, cụ thể, khả thi của văn bản còn một số hạn chế sau:

- Về khái niệm sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Đề nghị thống nhất lại khái niệm “*sản xuất thực phẩm*” và “*kinh doanh thực phẩm*” lý do: Căn cứ theo khoản 21, Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020, quy định khái niệm “*kinh*

*doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận*". Như vậy, thực hiện theo Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thì khái niệm quy định tại Luật An toàn thực phẩm đã không phù hợp theo quy định và cần chỉnh sửa để thống nhất áp dụng thực hiện.

- Tại điểm đ, khoản 1 Điều 36 Luật ATTP, quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong đó quy định hồ sơ cấp có "Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành"; khoản 5 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, quy định "Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận". Tuy nhiên các văn bản hướng dẫn Luật ATTP hiện hành chưa quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm thuộc cơ quan nào thực hiện tập huấn kiến thức ATTP... việc giao cho các doanh nghiệp, cá nhân tự tổ chức tập huấn không đảm bảo tính khách quan và tính hiệu quả, hiệu lực trong thi hành pháp luật.

- Tại khoản 3, Điều 12 Luật An toàn thực phẩm, quy định: "Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường"; Tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, quy định: "Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tự công bố thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm) trừ các sản phẩm quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 6 Nghị định này". Hai quy định này mâu thuẫn với nhau gây khó khăn cho công tác quản lý và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn.

Bên cạnh đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật An toàn thực phẩm được ban hành sửa đổi, bổ sung nhiều lần, đến nay chưa được hợp nhất, gây khó khăn trong công tác tra cứu, ảnh hưởng đến công tác quản lý. Do đó, đề nghị Chính phủ sớm ban hành văn bản hợp nhất về nội dung, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nghiên cứu thực hiện, thuận tiện trong công tác quản lý nhà nước về ATTP.

## **2. Việc xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP và các quy định kỹ thuật để quản lý**

### **a) Kết quả đạt được**

Căn cứ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP và các quy định kỹ thuật do Bộ Y tế, Bộ Khoa học & Công nghệ ban hành Chi cục hướng dẫn, thực hiện quản lý cơ sở thực phẩm (kiểm tra, cấp phép) theo đúng quy định.

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 668/UBND-VX ngày 23/02/2018 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó chỉ đạo các ngành chức năng, UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc

triển khai thực hiện, giao Sở Y tế (*Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm*) làm đầu mối chủ trì tiếp nhận và quản lý hồ sơ cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi; tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo phân công, phân cấp.

Ngành Y tế đã tiếp nhận 1.253 hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm thực phẩm bao gồm các sản phẩm thực phẩm sản xuất trong tỉnh và các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu. Các sản phẩm cơ bản đã áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn.

#### b) Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Đến nay Bộ Y tế đã ban hành được nhiều quy chuẩn kỹ thuật phục vụ quản lý ATTP. Tuy nhiên, so với chủng loại hàng hóa thực phẩm trên thị trường và yêu cầu quản lý thì vẫn còn hạn chế và thiếu quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng. Hiện nay, tỉnh Lào Cai cũng như các tỉnh, thành phố khác chưa ban hành được tiêu chuẩn địa phương đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù tại địa phương.

Đánh giá về tình hình công bố sản phẩm, công bố hợp quy đối với đối tượng thực phẩm tại nội dung quy định về quản lý trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Hiện nay số lượng sản phẩm thực phẩm trên thị trường nhiều về số lượng, loại khác nhau mà số quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lại quá ít dẫn đến khó khăn trong áp dụng quy chuẩn kỹ thuật để kiểm tra chất lượng sản phẩm, một số phòng kiểm nghiệm chưa đáp ứng được phương pháp thử theo quy chuẩn dẫn đến kết quả kiểm nghiệm chưa đảm bảo. Do đó, đề nghị các Bộ tăng cường ban hành các quy chuẩn đối với các sản phẩm thực phẩm, hướng dẫn ban hành các quy chuẩn địa phương để thuận lợi cho công tác áp dụng.

## II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT ATTP

### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật ATTP

Năm 2013, Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện dự án Nâng cao năng lực đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc Đề án phát triển sự nghiệp Y tế tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011-2015.

Để tổ chức thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh hiệu quả, Tỉnh ủy đã ban hành 02 Chỉ thị: Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 15/11/2012 về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 15/01/2016 về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn thực phẩm. Trong 10 năm, UBND tỉnh và tiểu Ban chỉ đạo An toàn thực phẩm tỉnh (*Ban chỉ đạo Công tác Y tế - Dân số tỉnh*) ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo kịp thời, phù hợp thực tiễn, có nhiều kế hoạch, văn bản chỉ đạo có tính chất chỉ đạo chiến lược, lâu dài như Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 10/7/2012 thực hiện Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn 2030; Văn bản số 2648/UBND-VX ngày 22/7/2013 về việc tăng cường các biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm... Hàng năm đều thành lập các đoàn kiểm tra, đoàn đánh giá chấm điểm tổ chức kiểm tra,

đánh giá việc thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo an toàn thực phẩm cho nhân dân của UBND các cấp.

Để thi hành Luật đạt hiệu quả cao, trong 10 năm thi hành Luật ATTP UBND tỉnh đã chỉ đạo sát sao các đơn vị chuyên môn trong công tác thi hành luật cũng như đa dạng hình thức tuyên truyền giúp nâng cao nhận thức của cơ sở sản xuất, sơ chế, kinh doanh; cũng như nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề sức khỏe gắn với ATTP. Nâng cao nhận thức về luật ATTP không chỉ sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương, chỉ đạo lồng ghép trong các chương trình có vốn đối ứng hay tận dụng nguồn từ dự án nước ngoài. Đến nay đã có những chuyển biến tích cực; số vụ vi phạm về ATTP giảm đáng kể, người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm an toàn bảo vệ sức khỏe bản thân; cơ sở kinh doanh xác định được hướng đi bền vững hướng tới xuất khẩu là sản xuất nông nghiệp an toàn, sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, mục tiêu xuất khẩu tới các thị trường khó tính như Nhật, Pháp...

Tuy nhiên, bên cạnh cơ sở kinh doanh lựa chọn hướng đi bền, còn không ít cơ sở chạy theo lợi nhuận, kinh tế mà bỏ qua đạo đức kinh doanh gây mất an toàn thực phẩm gây ảnh hưởng thương hiệu sản phẩm địa phương.

## **2. Công tác kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý ATTP tại địa phương từng bước được nâng lên**

### **a) Hiện trạng bộ máy quản lý ATTP tại địa phương**

- Ban chỉ đạo về An toàn thực phẩm từ tuyến tỉnh đến tuyến xã thường xuyên được kiện toàn khi có sự thay đổi về nhân sự, lãnh đạo UBND các tuyến làm Trưởng ban chỉ đạo, lãnh đạo ngành Y tế làm Phó ban thường trực với sự tham gia của các ngành Nông nghiệp, Công Thương và các ngành liên quan.

- Tuyến tỉnh có các đơn vị chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP là: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (Sở Y tế) với 15 biên chế, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Sở NN-PTNT) với 15 biên chế, Phòng Quản lý Công nghiệp và Quản lý thương mại (Sở Công Thương) mỗi phòng giao cho 01 công chức làm kiêm nhiệm;

- Tuyến huyện: Hiện tại giao nhiệm vụ quản lý về ATTP là Trung tâm Y tế (Y tế) 9/9 huyện có khoa ATTP với nhân lực 3 - 9 cán bộ, Phòng Nông nghiệp/Kinh tế (Nông nghiệp) và Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng (Công thương) có 01 cán bộ chuyên trách được giao kiêm nhiệm lĩnh vực ATTP.

- Tuyến xã: 01 cán bộ Trạm Y tế kiêm nhiệm quản lý an toàn thực phẩm lĩnh vực ngành Y tế quản lý, Cán bộ thực hiện công tác ATTP ngành nông nghiệp tuyến xã đều làm kiêm nhiệm trong đó: chủ yếu cán bộ địa chính xã, có một bộ phận nhỏ là khuyến nông viên hoặc văn phòng, đối với các cơ sở thuộc quản lý của ngành Công Thương hiện tại do lực lượng quản lý thị trường tuyến huyện chịu trách nhiệm.

### **b) Tồn tại**

Do không có tổ chức Trạm Quản lý chất lượng (QLCL) trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố nên hoạt động QLCL ở cơ sở thực hiện thông qua phòng NN&PTNT/Kinh tế các huyện, trong khi đội ngũ cán bộ này phải kiêm

nhệm nhiều công việc, thường xuyên phải luân chuyển công tác do vậy gây rất nhiều khó khăn khi triển khai nhiệm vụ QLCL ATTP ở cơ sở, công tác theo dõi giám sát tổng hợp báo cáo không được thường xuyên, liên tục.

Các cơ sở thực phẩm thuộc quản lý của ngành Công Thương ở tuyến xã phụ thuộc hoàn toàn vào lực lượng quản lý thị trường nên việc quản lý, thống kê báo cáo không được kịp thời.

### **3. Về bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho công tác ATTP; tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức kiểm nghiệm, kiểm định thực phẩm; nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ATTP**

#### a) Kết quả đạt được

Hàng năm, ngành Y tế được cấp kinh phí cho công tác giám sát nguy cơ ô nhiễm bằng test nhanh và kiểm nghiệm thực phẩm tại Labo của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và các đơn vị kiểm nghiệm được chỉ định của Bộ Y tế thực hiện kiểm nghiệm phục vụ công tác quản lý an toàn thực phẩm...

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Trung tâm phân tích Hóa học – Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam xây dựng Phòng phân tích VILAS 341 tại Lào Cai đi vào hoạt động trong năm 2020. Đây là tiền đề để tăng cường năng lực hoạt động kiểm tra giám sát về chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh đồng thời, từng bước nâng cao năng lực công nghệ phân tích nông sản, khoáng sản, phân bón và chất bảo vệ thực vật an toàn cho ngành nông nghiệp của Tỉnh và Khu vực các tỉnh lân cận. Chi cục Quản lý chất lượng NLS và Thủy sản được hỗ trợ đầy đủ trang thiết bị lấy mẫu, bảo quản mẫu, các test kiểm tra nhanh chuyên dụng để phục vụ cho công tác thanh tra/ kiểm tra, giám sát nguy cơ gây mất ATTP.

#### b) Tồn tại

Kinh phí dành cho hoạt động đầu tư kiểm nghiệm, kiểm định thực phẩm, nghiên cứu khoa học còn thấp so với yêu cầu thực tế.

Phòng Kiểm nghiệm của tỉnh chưa được chỉ định kiểm nghiệm phục vụ công tác quản lý nhà nước và cũng không đủ năng lực làm hết các chỉ tiêu mẫu nên khó khăn trong việc xác định đơn vị gửi mẫu và xử lý các cơ sở có mẫu không đạt. Đồng thời, hiện nay do quy định trong công tác đấu thầu phải thực hiện đấu thầu qua mạng đối với các gói thầu nên các đơn vị không chủ động được việc gửi mẫu tại đơn vị nào, không chủ động gửi mẫu tại phòng Kiểm nghiệm của tỉnh để hỗ trợ cho sự phát triển của địa phương.

### **4. Về đầu tư ngân sách cho công tác quản lý ATTP**

#### a) Kết quả đạt được

Từ năm 2011-2020, ngành Y tế và Nông nghiệp được cấp kinh phí từ nguồn CTMT của Trung ương để thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương, ngoài ra Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh và Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản được UBND tỉnh Lào Cai bố trí khoảng 1.500 triệu đồng cho hoạt động đặc thù theo lĩnh vực được phân công quản lý.

#### b) Tồn tại

Kinh phí dành cho hoạt động quản lý an toàn thực phẩm còn thấp, đặc biệt từ năm 2021 đến nay không còn kinh phí hỗ trợ từ nguồn CTMT, do ảnh hưởng thời kỳ dịch bệnh Covid - 19 một số hoạt động bị cắt bỏ để tập trung nguồn lực phòng, chống dịch gây khó khăn rất lớn cho việc triển khai các nội dung hoạt động của địa phương.

Bộ Công Thương không phân bổ nguồn kinh phí từ CTMT về cho địa phương nên ngành Công Thương không có kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công.

## **5. Thực thi trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ, ngành, UBND các cấp (các hoạt động triển khai thực hiện)**

### **a) Kết quả đạt được**

Trong 10 năm, UBND, Ban Chỉ đạo tỉnh đã thành lập 28 đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn thực phẩm tại 9 huyện, thành phố, thị xã và 82 lượt xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, từ năm 2018 đến nay UBND tỉnh thành lập 09 đoàn chấm điểm công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của UBND huyện, thành phố, thị xã. Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Dự án Nâng cao năng lực đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc Đề án phát triển sự nghiệp Y tế tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011-2015.

Tại các huyện ủy, thành ủy, thị ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, trong 7 năm (2014-2020), 100% UBND, Ban Chỉ đạo ATTP các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác quản lý nhà nước đối với 1.083 lượt xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh.

Các đoàn kiểm tra từ tuyến tỉnh đến tuyến xã đã tăng cường kiểm tra đảm bảo VSTATP tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và tại các nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể.

## **6. Công tác phối hợp liên ngành về quản lý ATTP**

a) Kết quả đạt được: Tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 Quy định phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Tiểu Ban chỉ đạo ATTP tỉnh đã được kiện toàn và ban hành quy chế quy định hoạt động. Thời gian qua, Ban chỉ đạo liên ngành đã tích cực tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với công tác đảm bảo ATTP; chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; đề nghị các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện tốt công tác vận động, giám sát đảm bảo ATTP trên địa bàn.

b) Tồn tại: Mô hình quản lý cơ sở thực phẩm do 03 ngành quản lý (Y tế, Nông nghiệp, Công Thương) nhưng lực lượng không tương đồng (Ngành Nông nghiệp, Công Thương không có cán bộ chuyên trách tại tuyến huyện, xã) vì vậy việc quản lý cơ sở thực phẩm thuộc 2 ngành Nông nghiệp và Công Thương rất

khó khăn, khó kiểm soát triệt để.

## **Phần thứ 2**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SAU 10 NĂM THỰC THI LUẬT ATTP**

#### **I. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN THỰC PHẨM**

##### **1. Quy định quản lý ATTP trong sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản rau, củ, quả tươi và các sản phẩm đã qua sơ chế, chế biến.**

###### **a) Kết quả đạt được:**

Trong 10 năm thi hành luật ATTP đến năm 2021 tỉnh Lào Cai đã hình thành được các vùng sản xuất rau: năm 2021 đạt 15.353 ha, sản lượng đạt 171.000 tấn; Phát triển vùng rau trái vụ vùng cao với quy mô năm 2021 đạt 750 ha; vùng rau chuyên canh hàng hóa đạt 250 ha. Thúc đẩy sản xuất các vùng rau an toàn thành lập trên 20 Công ty, doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác sản xuất tham gia lĩnh vực sản xuất rau an toàn... Sản lượng rau an toàn đạt trên 13.000 tấn, giá trị sản xuất rau bình quân đạt 70 - 80 triệu đồng /1 ha/năm, một số mô hình trồng rau đạt hiệu quả cao như trồng bí nếp, trồng tỏi Đài Loan, đậu Hà Lan... Giá trị kinh tế đạt trên 150 triệu đồng/ha, cao gấp 2 lần rau truyền thống đã góp phần không nhỏ trong việc phát triển sản xuất, thúc đẩy thị trường rau an toàn của tỉnh Lào Cai. Hiện đã có 02 Doanh nghiệp được cấp chứng nhận VietGAP (HTX Mai Anh Sa Pa và Công ty TNHH Anh Nguyên Bắc Hà), 14 tổ chức, doanh nghiệp đã được cơ quan quản lý kiểm tra, thẩm định, đánh giá cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo Thông tư 45/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Công ty Hoa Lợi thuộc xã Y Tý - Huyện Bát Xát cấp giấy chứng nhận hữu cơ năm 2019; Cty TNHH Hà Lâm Phong thuộc thị xã Sa Pa - tỉnh Lào Cai cấp GCN Hữu cơ năm hương năm 2022.

\* Trong thời gian qua, Sở Nông nghiệp và PTNT Lào Cai đã tiến hành công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm rau bằng nhiều biện pháp:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền hướng dẫn nông dân các quy định pháp luật trong lĩnh vực kiểm dịch và bảo vệ thực vật, quy trình sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) trong sản xuất nông nghiệp, bảo quản nông sản tại các cơ sở chế biến, kinh doanh, để tạo thành một bước chuyển mới trong việc tuân thủ quy định về vệ sinh ATTP trong sản xuất và lưu thông nông sản.

- Giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong ngành: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thường xuyên phối hợp với các ngành địa phương, tăng cường công tác quản lý các cơ sở kinh doanh thuốc BVTV, phân bón... thông qua việc thanh tra, kiểm tra cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong kinh doanh thuốc BVTV đã giảm đáng kể lượng thuốc BVTV không rõ nguồn gốc, xuất xứ, thuốc không được phép sử dụng trên thị trường; Trên đồng ruộng đã tổ chức giám sát kiểm tra sử dụng thuốc BVTV trên rau quả tại các vùng sản xuất rau trọng điểm của thành phố, hướng dẫn người

sản xuất ghi chép nhật ký đồng ruộng, tự kiểm tra, giám sát... góp phần hạn chế dư lượng thuốc tồn dư trên rau, quả.

Khuyến khích các tổ chức tham gia xác nhận sản phẩm an toàn theo Chuỗi giá trị (tem nhãn truy xuất nguồn gốc...), liên kết tiêu thụ, xúc tiến đầu tư các sản phẩm rau quả an toàn được chứng nhận.

- *Đối với các loại rau quả nhập từ Trung Quốc*: hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao cho Chi cục Quản lý chất lượng NLS và Thủy sản lấy mẫu giám sát dư lượng thuốc BVTV, các hóa chất bảo quản sản phẩm rau quả..., tuy nhiên do số lượng kinh phí hạn hẹp, mỗi năm chỉ được cấp kinh phí giám sát cho 3-5 mẫu, chưa mang tính đại diện. Do vậy, chưa thể kiểm soát triệt để về chất lượng sản phẩm rau quả nhập từ Trung Quốc.

## **2. Trong chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, kiểm tra vệ sinh thú y, kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật:**

- *Điều kiện cơ sở chăn nuôi, vệ sinh môi trường khu vực chăn nuôi, an toàn thực phẩm chăn nuôi*: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 132 trang trại chăn nuôi (đã được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo Thông tư số 02/TT-BNNPTNT), trong đó chủ yếu là các trang trại chăn nuôi lợn và gia cầm thương phẩm. Có 10 cơ sở chăn nuôi lợn và gia cầm ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi tập trung tại các huyện Bảo Thắng, Bắc Hà. Các cơ sở chăn nuôi công nghệ cao và các trang trại hiện đang chủ động tiếp cận và áp dụng quy trình VietGHAP để sản xuất ra các sản phẩm thịt an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng, đem giá trị kinh tế cao.

- *Công tác quản lý sản xuất theo Chuỗi giá trị*: Đã có 125 chuỗi sản phẩm thực phẩm chăn nuôi đang được triển khai, xây dựng theo hướng chuỗi sản phẩm thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tuy nhiên, các chuỗi này là chuỗi nông sản an toàn, nhưng các sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, số lượng sản phẩm chưa nhiều. Vì vậy, chưa đăng ký tên thương hiệu chuỗi, các sản phẩm của chuỗi và địa chỉ các điểm bán sản phẩm của chuỗi.

- *Việc xử lý chất thải chăn nuôi*: Các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm đã có xử lý chất thải bằng các biện pháp sinh học như Biogas và độn lót sinh học, đến nay đã có khoảng 62.491/83.694 hộ chăn nuôi có chuồng nuôi nhốt hợp vệ sinh, chiếm 74,66%; 11.199 hộ xử lý chất thải chăn nuôi bằng Biogas và độn lót sinh học, chiếm 13,8% (Biogas 7.000 hộ, độn lót sinh học 4.199 hộ)... Đến nay song song cùng công tác môi trường Nông thôn mới về cơ bản các xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai còn chăn nuôi, đã thu gom chất thải động vật, tận dụng dùng vào công tác trồng trọt.

- Thực hiện ký thực hiện cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi tính đến nay đã có 535 trang trại, hộ chăn nuôi lợn, gia cầm thực hiện ký cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi (2016) đến nay không còn triển khai đồng bộ. Toàn tỉnh có 132 trang trại chăn nuôi đạt tiêu chí kinh tế trang trại theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; 09 cơ sở chăn nuôi lợn công nghệ ứng dụng công nghệ cao; 25 cơ sở chăn nuôi lợn đực giống; 02



chuỗi sản phẩm chăn nuôi; 44.971 hộ chăn nuôi gia súc lớn; 2.958 ha cỏ, sản lượng ước đạt khoảng 700 nghìn tấn, đáp ứng được trên 50% nhu cầu thức ăn xanh cho đàn gia súc lớn. Toàn tỉnh hiện có 07 cơ sở giết mổ tập trung tại Si Ma Cai, Mường Khương, Văn Bàn, Bảo Thắng, Bảo Yên, thị xã Sa Pa, thành phố Lào Cai), 483 cơ sở giết mổ nhỏ lẻ<sup>1</sup>.

- *Kiểm soát dịch bệnh động vật*: Ngành thú y đã phối hợp với chính quyền cơ sở đã kiểm soát tốt dịch bệnh trên đàn vật nuôi toàn tỉnh. Năm 2011 – 2022, mặc dù có xảy ra một số dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như lở mồm long móng, Cúm gia cầm, Hội chứng rối loạn sinh sản hô hấp (Lợn tai Xanh), dịch Tả Châu Phi... tại các huyện nhưng các ổ dịch được khống chế, dập tắt nhanh chóng, xử lý kịp thời, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Hàng năm triển khai tiêm phòng vắc xin các loại cho đàn gia súc, gia cầm; góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn vật nuôi, tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cho người tiêu dùng. Ngoài ra tăng cường công tác kiểm dịch các chợ đầu mối, chợ dân sinh trên địa bàn tỉnh.

- *Thực hiện quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung*: Thực hiện Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 và Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 11/11/2014, Quyết định số 4756/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2014 - 2020 và định hướng đến năm 2025, Sở đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các Sở ngành tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, tuy nhiên đến nay toàn tỉnh chưa xây dựng mới được cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm theo quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; đã có 05 tổ chức đăng ký xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại 4/9 huyện, TP bao gồm: Bảo Thắng, Bảo Yên, Bắc Hà và Mường Khương. Các tổ chức này đã được UBND tỉnh ban hành Văn bản chấp thuận cho nghiên cứu, lập dự án xây dựng.

### **3. Quy định về quản lý ATTP trong nuôi trồng, đánh bắt, khai thác, chế biến thủy sản và các sản phẩm thủy sản**

Diện tích mặt nước nuôi ao hồ nhỏ được người dân đưa vào sản xuất 2.200 ha, đạt 97,78% KH năm và bằng 115,78% so CK; sản lượng thủy sản 6.073 tấn, đạt 54,23% KH năm, bằng 110,74% so CK; dự kiến năm 2022 diện tích NTTS 2.250 ha, sản lượng 11.200 tấn. Công tác sản xuất và cung ứng giống thủy sản (cá hương, cá giống các loại) ước thực hiện 13 triệu con, đáp ứng khoảng 75% nhu cầu sản xuất của tỉnh. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh được tập huấn, hướng dẫn qui trình nuôi thủy sản theo hướng bền vững. Hàng năm, Sở đã chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm tra đánh giá điều kiện sản xuất các cơ sở giống thủy sản, thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, thuốc thú y thủy sản. Kết quả cho thấy:

- Hiện có 03 cơ sở sản xuất giống (Trại giống thủy sản cấp 1 Phú Nhuận, Bảo Thắng; Trại Quang Kim, Bát Xát; Trung tâm nghiên cứu Cá nước lạnh Sa Pa) đã được kiểm tra, đánh giá xếp loại (2A; 1B)

<sup>1</sup> 442 cơ sở giết mổ lợn, 14 cơ sở giết mổ gia cầm, 27 cơ sở giết mổ trâu, bò, ngựa.

- Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia nuôi trồng, chế biến thủy sản tươi sống trên địa bàn tỉnh được cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Nhìn chung các cơ sở đều tuân thủ và chấp hành tốt việc sử dụng thuốc kháng sinh, thuốc thú y, hóa chất làm sạch môi trường, thức ăn chăn nuôi, bảo đảm vệ sinh môi trường vùng nuôi, do vậy kiểm soát tốt dịch bệnh khu vực nuôi trồng thủy sản;

**4. Quy định về quản lý ATTP đối với thực phẩm biến đổi gen:** Địa phương không thực hiện nội dung này.

**5. Quy định về quản lý ATTP đối với phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, thực phẩm chức năng.**

a) Kết quả đạt được:

Hiện tại, tỉnh Lào Cai đang quản lý 39 cơ sở sản xuất nước đá, nước uống đóng chai, thực phẩm bổ sung và khoảng hơn 200 cơ sở kinh doanh thực phẩm chức năng (chủ yếu là các nhà thuốc, quầy thuốc và các đơn vị kinh doanh dược có kinh doanh thực phẩm chức năng). Trong 10 năm thực hiện 1.200 lượt kiểm tra các cơ sở sản xuất nước, đá viên và cơ sở kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Số cơ sở bị xử lý: 74 cơ sở; Số tiền bị xử phạt: 119.578.000đ

Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra, lấy mẫu hậu kiểm sau công bố. Tổng số mẫu lấy: 280 mẫu, trong đó không đạt 75 mẫu các mẫu không đạt chủ yếu do có các chỉ tiêu vi sinh.

b) Tồn tại:

Các điều kiện cụ thể của từng loại hình chưa có quy định nên khó khăn trong việc áp dụng, nhất là các quy định đối với các sản phẩm bảo vệ sức khỏe. Việc lấy mẫu kiểm tra chất lượng các sản phẩm lưu thông trên thị trường là rất khó do nguồn lực về con người và kinh phí kiểm nghiệm là rất ít, do đó nguy cơ ô nhiễm thực phẩm và việc các sản phẩm có thể không đạt về chất lượng đang lưu thông trên thị trường vẫn còn mà không kiểm soát được hết.

c) Đề xuất sửa đổi quy định từng loại hình theo nhóm sản phẩm như Điều kiện cơ sở đối với sản xuất nước uống liền, nước đá, thực phẩm chức năng

**6. Quy định về quản lý ATTP đối với sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.**

a) Kết quả đạt được: Hiện tại các văn bản quy định về quản lý ATTP đối với sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống đã đầy đủ, được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc. 100% cơ sở trên địa bàn đã được kiểm tra, kiểm soát thường xuyên.

b) Tồn tại:

- Việc kiểm tra các cơ sở vẫn còn chưa được chặt chẽ, nhiều cơ sở vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định nhưng cơ quan chức năng vẫn chưa xử lý được triệt để.

- Chưa thực hiện kiểm tra được việc người trực tiếp sản xuất, chế biến thực

phẩm có mang mầm các bệnh truyền nhiễm theo quy định hay không do không có kinh phí; văn bản pháp luật cũng không quy định cụ thể là các cơ sở phải thực hiện lấy mẫu xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm.

- Việc tập huấn kiến thức ATTP cho người trực tiếp chế biến cũng không quản lý được do quy định của pháp luật không cụ thể. Không có bộ công cụ để kiểm tra người chế biến có đủ kiến thức ATTP hay không.

- Các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương nhưng Bộ Công Thương chưa có qui định cụ thể về điều kiện an toàn thực phẩm tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại gây ra nhiều lúng túng cho việc quản lý.

c) Đề xuất sửa đổi:

- Qui định các điều kiện cụ thể đối với các loại hình nói trên để có thể áp dụng thực hiện văn bản không nên qui định chung khi thực hiện phải xem rất nhiều văn bản.

- Việc quy định điều kiện ATTP đối với cơ sở do ngành Y tế quản lý thực hiện chủ yếu theo Luật ATTP và Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. Tuy nhiên, một số nội dung trong quá trình thực hiện vẫn còn bất cập.

- Tại Khoản 4, Điều 29, Luật An toàn thực phẩm quy định “Tuân thủ quy định về sức khỏe, kiến thức và thực hành của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm”.

Thứ nhất, về điều kiện sức khỏe: Tại Điều 4, Nghị định 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ được sửa đổi bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP quy định: “ Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phải được tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận và không mắc bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm”. Trong khi đó, trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP của các cơ sở này chỉ là Giấy khám sức khỏe thông thường, không có các kết quả xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm nói trên. Điều này chưa có sự thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật, gây khó khăn trong công tác quản lý. Đề nghị sửa đổi cho phù hợp

Thứ hai, về kiến thức ATTP: Hiện tại, quy định “*Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải được tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận*” tuy nhiên, tại điểm b, khoản 4, Điều 15 Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của chính phủ được sửa đổi bởi Nghị định 124/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP lại quy định xử phạt “*Chủ cơ sở không có giấy xác nhận tập huấn kiến thức ATTP*”. Điều này chưa thống nhất giữa các văn bản. Bên cạnh đó, việc để cho cơ sở tự tổ chức tập huấn và xác nhận kiến thức không phù hợp đối với các cơ sở nhỏ lẻ, chỉ có 1, 2 người làm việc, gây khó khăn cho công tác quản lý và kiểm tra. Đề nghị cần có sự điều chỉnh.

Thứ ba, về thực hành đúng ATTP: Hiện tại các văn bản quy định về điều kiện ATTP đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm không quy định cụ thể về thực hành đúng của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm như: Trang

phục, phải cắt ngắn móng tay, không được đeo đồng hồ, vòng, lắc, hút thuốc, khắc nhỏ trong khu vực chế biến... Tuy nhiên, tại Điều 9, Nghị định 115/2018/NĐ-Cp quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP lại quy định xử phạt về các lỗi này. Đề nghị bổ sung các quy định này vào các văn bản pháp luật.

### **8. Quy định về quản lý ATTP đối với vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm.**

a) Kết quả đạt được: Các quy định về quản lý ATTP đối với vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm hiện đã được quy định cụ thể, các loại bao bì để chứa đựng thực phẩm đều được quản lý và kiểm soát, tùy vào các sản phẩm khác nhau mà phân công trách nhiệm quản lý cho các ngành Y tế, Nông nghiệp, Công Thương.

b) Tồn tại:

- Các quy định chưa phù hợp với sự phát triển do kiểu dáng, chất liệu bao bì có sự thay đổi và cải tiến thường xuyên nên khó áp dụng từ quy định này cho loại bao bì khác nhau.

- Hiện nay trên thị trường, xuất hiện rất nhiều sản phẩm dụng cụ bao gói, chứa đựng thực phẩm có xuất xứ từ nước ngoài được bán tại các chợ, siêu thị và sử dụng nhiều ở các quán giải khát, đồ ăn sẵn, thức ăn đường phố (hộp xốp, ống hút, hộp nilon, túi nilong...) nhưng không được các tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực hiện công bố; việc kiểm tra, kiểm soát các sản phẩm này trên thị trường gặp nhiều khó khăn do không xác định được cơ quan quản lý chính.

c) Đề xuất sửa đổi:

- Quy định về tự công bố đối với các loại bao bì và các chỉ tiêu chủ yếu theo từng loại, nhóm các bao bì dùng để chế biến các loại, nhóm thực phẩm.

- Tại Khoản 2, 3, Điều 18 Luật An toàn thực phẩm quy định:

*“2. Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tuân thủ quy định đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.*

*3. Đăng kí bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường”.*

Các nội dung này hiện tại không còn phù hợp với các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật (hiện nay thực hiện tự công bố) do đó cần sửa đổi lại cho phù hợp

**9. Quy định về quản lý ATTP trong xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm:** Thuộc phạm vi quản lý của Trung ương, tuyến tỉnh không thực hiện nội dung này.

## **II. VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP, GIẤY TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY; QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP.**

### **1. Việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP**

a) Kết quả đạt được

Đây là thủ tục hành chính đã được quy định từ Luật đến Nghị định, Quyết định của Bộ Y tế và UBND tỉnh; được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo triển khai đồng bộ từ tỉnh đến huyện.

Công tác cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định riêng của từng

ngành, trong đó :

- Ngành Nông nghiệp quản lý 289 cơ sở trong đó cơ sở cấp tỉnh quản lý 88 cơ sở, cơ sở do cấp huyện quản lý 201 cơ sở, tổ chức thu hồi 01 giấy chứng nhận/01 cơ sở vi phạm các quy định trong quá trình thực hiện gây mất ATTP.

- Ngành Y tế: Đến thời điểm hiện tại quản lý 1.094 cơ sở thuộc diện cấp giấy, số cơ sở đã được cấp còn hạn là 1.002 - chiếm 91,6%.

- Ngành Công Thương: trong 4 năm (2018-2021) đã cấp 11 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện.

*(Phụ lục số 02 kèm báo cáo)*

b) Tồn tại:

- Tỷ lệ cơ sở thuộc đối tượng chưa được cấp giấy vẫn còn cao: khoảng hơn 10%, chủ yếu là các cơ sở ở tuyến huyện, xã.

- Ở tuyến cơ sở, việc cơ sở thực sự đủ điều kiện ATTP theo quy định để được cấp giấy chứng nhận là rất khó, do các cơ sở thường nhỏ lẻ, ở vùng sâu vùng xa điều kiện kinh tế người dân khó khăn, không có điều kiện để đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, người có nhu cầu sử dụng dịch vụ ít.

- Một số loại hình dịch vụ ăn uống khó xác định cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Cơ sở dịch vụ ăn uống trong chợ, trong siêu thị hoặc đối với các nhà hàng trong khu nghỉ dưỡng, loại hình homestay chưa có hướng dẫn cụ thể có cần phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hay không.

- Các cơ sở đã tuân thủ các điều kiện đảm bảo ATTP trong quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, kinh doanh. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở do lợi nhuận đã không tuân thủ điều kiện đảm bảo ATTP trong quá trình kinh doanh dẫn đến còn xử phạt vi phạm hành chính hoặc thu hồi giấy chứng nhận.

c) Đề xuất sửa đổi:

- Về hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Nên thay giấy xác nhận đủ sức khỏe của Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm bằng giấy xét nghiệm không mang mắc các bệnh truyền nhiễm theo quy định.

- Về đối tượng không phải cấp giấy: Đề nghị vẫn để các nhà hàng trong khách sạn thuộc đối tượng phải cấp giấy; đề nghị quy định cụ thể hơn về việc có phải cấp giấy đối với đối tượng: căng tin trong bệnh viện, cơ quan, trường học..., homestay, các khu nghỉ dưỡng...

## **2. Việc cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy**

a) Kết quả đạt được

Giai đoạn trước năm 2018, thực hiện theo Nghị định 38/2012/NĐ-CP thực hiện tiếp nhận công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP Lào Cai đã thực hiện cấp xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm và công bố hợp quy cho 216 sản phẩm thực phẩm. Từ năm 2018-2021, thực hiện theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP đã thực hiện tiếp nhận bản tự công bố 1.037 sản phẩm thực phẩm và thực phẩm nhập khẩu trên địa bàn tỉnh. Sau năm 2018, đã thực hiện tự bố chất lượng sản phẩm thực phẩm cơ bản đã đáp ứng theo xu hướng hiện nay

Năm 2020, căn cứ Quyết định 33/2020/QĐ-UBND thì Sở Y tế chịu trách nhiệm tiếp nhận bản tự công bố của các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Y tế và ngành Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận bản tự công bố của các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý.

Hoạt động sản xuất an toàn theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm ngày càng được nhân rộng. Đến nay, Lào Cai đã có 120 sản phẩm OCOP trong đó: 24 sản phẩm 4 sao, 96 sản phẩm 3 sao; 777 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP, 140,2 ha đạt tiêu chuẩn GACP-WHO; trên 4.000 ha đạt tiêu chuẩn hữu cơ; 63 sản phẩm được cấp nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, 02 sản phẩm được chứng nhận chỉ dẫn địa lý; 02 cơ sở chế biến đạt tiêu chuẩn ISO 22000:2018; cấp 17 mã số vùng trồng cho các vùng sản xuất và 07 cơ sở đóng gói... tổ chức tiếp nhận, quản lý và công khai trên website Sở Nông nghiệp và PTNT đối với 49 tổ chức, cá nhân/156 sản phẩm thực phẩm thực hiện tự công bố sản phẩm.

Kết quả:

- Ngành Y tế đã tiếp nhận 1.037 bản tự công bố sản phẩm, trong đó 63 sản phẩm do ngành Y tế quản lý và 974 sản phẩm do ngành Công thương quản lý (chủ yếu là các sản phẩm thực phẩm bánh kẹo nhập khẩu, rượu nấu thủ công)..

- Ngành Nông nghiệp: Năm 2020 nhận bàn giao 92 hồ sơ và sau đó đã tiếp nhận hồ sơ, thực hiện công khai 48 cơ sở/162 sản phẩm thực phẩm thực hiện tự công bố; Công tác kiểm tra giám sát hậu kiểm sau tự công bố được thực hiện theo đúng quy định

- Từ năm 2018 đến năm 2021, trên địa bàn tỉnh Lào Cai không có sản phẩm đăng ký bản công bố.

b) Đánh giá:

Do cơ sở tự công bố và tự chịu trách nhiệm về sản phẩm dẫn đến khó khăn trong công tác tiếp nhận và xử lý các hồ sơ không đảm bảo theo quy định

Việc hậu kiểm các sản phẩm tự công bố gặp rất nhiều khó khăn do nguồn kinh phí sử dụng cho công tác hậu kiểm rất thấp;

- Khái niệm thực phẩm bổ sung tại Thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 với khái niệm thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ là giống nhau, không có phân biệt rõ ràng, do đó khó để phân biệt giữa hai loại sản phẩm thực phẩm này.

c) Đề xuất sửa đổi: Quy định cụ thể về thực phẩm bổ sung để thuận lợi trong công tác quản lý.

### **3. Việc quản lý đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.**

a) Kết quả đạt được

Việc quản lý các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đã được phân cấp cụ thể tại Quyết định của UBND tỉnh và được các đơn vị chuyên môn tuyến huyện, tuyến xã quản lý.

Đối với ngành nông nghiệp tuyến xã thực hiện công tác ký cam kết đối với cơ sở nhỏ lẻ cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP

theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT. Đến tháng 8/2022 đã ký cam kết 19.711 cơ sở, tuy nhiên công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở còn chưa được thực hiện (chủ yếu lồng ghép các chương trình kiểm tra của xã) cho nên hiệu quả chưa cao.

#### b) Tồn tại

- Việc nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể không thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cũng là nội dung gây khó khăn cho công tác quản lý trên địa bàn. Vì cơ sở được cấp giấy thì phải đảm bảo đủ điều kiện ATTP được cơ quan nhà nước thẩm định mới được phép hoạt động. Tuy nhiên, các cơ sở này lại hoạt động mà không phải thực hiện bất cứ thủ tục gì, thậm chí không đủ điều kiện tối thiểu, nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm là rất cao.

- Có những khách sạn hoạt động nhiều năm nhưng vì không thuộc đối tượng cấp giấy nên cơ quan quản lý không nắm bắt được tình hình hoạt động, do đó gây lỏng lẻo trong công tác quản lý.

Hơn nữa, các loại hình này cũng hoạt động kinh doanh, thậm chí phục vụ nhiều người. Việc không cấp giấy cho loại hình này không phù hợp, không khách quan cho các nhà hàng hoạt động đơn lẻ.

- Chưa có quy định cụ thể có cấp giấy cho các đối tượng là homestay, các khu nghỉ dưỡng nên việc quản lý các cơ sở này còn gặp khó khăn

#### c) Đề xuất sửa đổi

- Về đối tượng không phải cấp giấy: Đề nghị vẫn để các nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể thuộc đối tượng phải cấp giấy.

**III. QUẢN LÝ THỰC PHẨM NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU:** Địa phương không thực hiện nội dung này.

**IV. CÔNG TÁC THÔNG TIN, GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM; CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUẢNG CÁO THỰC PHẨM**

#### **1. Việc nâng cao kiến thức và thực hành về ATTP**

##### a) Kết quả đạt được

Công tác tuyên truyền được triển khai rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh, bằng nhiều hình thức trên nhiều kênh thông tin khác nhau, phù hợp với phong tục, tập quán của từng địa phương.

Từ năm 2018 đến nay, UBND tỉnh đã quan tâm cấp kinh phí thực hiện các chuyên mục về an toàn thực phẩm trên sóng phát thanh, sóng truyền hình với tần suất 2 tuần/1chuyên mục, tất cả các chuyên mục đều được biên dịch sang tiếng dân tộc Mông, Dao, Dáy.

Trong 10 năm, đã viết gần hai nghìn tin, bài; thực hiện trên 50 nghìn lượt tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, truyền hình từ tỉnh đến thôn bản; giao chỉ tiêu thực hiện công tác tuyên truyền tại cộng đồng và tại Hội nghị tuyên vận của 100% xã, phường, thị trấn. Nhân bản và cấp phát hàng trăm nghìn tờ rơi, tờ post, hàng nghìn đĩa tuyên truyền và 01 bộ ma kết tuyên truyền bằng hình ảnh phù hợp được dịch ra tiếng Mông, 01 bộ ma kết tuyên truyền bằng hình ảnh, 02 tờ rơi, tờ post phù hợp với nhận thức của đồng bào và được đồng bào ghi nhận,

đánh giá cao; Tham gia Hội thi phát thanh truyền hình tỉnh Lào Cai lần thứ 6 và đạt giải Ba với phóng sự phát thanh về tình hình ngộ độc tiết canh; xây dựng và lắp đặt 09 pano tuyên truyền về an toàn thực phẩm tại 9 huyện, thành phố, thị xã. Trong 3 năm (2013-2015) xây dựng 30 mô hình điểm về quản lý an toàn thực phẩm tại 30 xã, phường, thị trấn tại 9 huyện, thành phố. Tổ chức 369 lớp tập huấn kiến thức cho 13.569 người là chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm, kinh doanh thực phẩm chức năng.

Để giảm thiểu ngộ độc thực phẩm và nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân, đã tham mưu cho UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 2648/UBND-VX ngày 22/7/2013, văn bản số 4852/UBND-VX ngày 17/12/2013 về việc tăng cường các biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm, trong đó chỉ đạo việc kí cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm giữa hộ gia đình khi tổ chức bữa ăn đông người với chính quyền địa phương. Đến nay, đã có 152/152 xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện, góp phần giảm số vụ ngộ độc thực phẩm nhiều người; kí cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể... góp phần giảm thiểu sử dụng và lưu hành thực phẩm không an toàn trên thị trường.

#### b) Tồn tại

- Việc đánh giá chỉ tiêu cập nhật và thực hành đúng về ATTP còn gặp khó khăn do không có bộ công cụ chung, phương pháp đánh giá chung trong toàn quốc, mỗi tỉnh phải xây dựng bộ công cụ riêng nên không có sự so sánh trong toàn quốc.

- Mặc dù triển khai nhiều hình thức với nhiều phương tiện khác nhau nhưng nhận thức của người dân, đặc biệt là người dân vùng cao, vùng sâu, vùng xa vẫn còn rất hạn chế do điều kiện kinh tế khó khăn, mặt bằng dân trí nói chung còn thấp.

- Cán bộ tuyến cơ sở còn mỏng, thường xuyên luân chuyển vị trí công tác gây khó khăn cho hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức của nhân dân.

- Nguồn kinh phí dành cho công tác thông tin truyền truyền bị cắt giảm nhiều

- Đối với tỉnh Lào Cai có nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, nhìn chung kiến thức về ATTP của các nhóm đối tượng còn thấp, nhiều chủ cơ sở không cập nhật được kiến thức khoa học, kiến thức về ATTP để tự tập huấn cho nhân viên nên công tác này khó để thực thi và khó cho cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát

#### c) Đề xuất sửa đổi

Có bộ câu hỏi và phương pháp đánh giá kết quả nâng cao kiến thức và thực hành đúng về ATTP chung trong toàn quốc.

## **2. Việc giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về ATTP**

a) Kết quả đạt được: Từ năm 2011-2020 tuyến tỉnh đã thực hiện tập huấn cho cán bộ Y tế 112 lớp tập huấn với 3.833 học viên, tập huấn cho BCD ATTP 41 lớp với 1.825 học viên, việc tập huấn đã nâng cao kiến thức công tác quản lý



an toàn thực phẩm đặc biệt là thành viên Ban chỉ đạo An toàn thực phẩm.

b) Tồn tại: Do các năm gần đây, tình hình dịch bệnh phức tạp, nguồn kinh phí cho hoạt động đào tạo, tập huấn bị cắt giảm; cán bộ trong Ban chỉ đạo ATTP các tuyến có sự thay đổi nhân sự sau các kì đại hội và luân chuyển công tác. Do đó, việc cập nhật và bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ chủ chốt bị gián đoạn và không được thường xuyên

c) Đề xuất sửa đổi: Không

### **3. Quản lý thông tin, quảng cáo ATTP**

a) Kết quả đạt được: Để quản lý công tác quảng cáo thực phẩm trên địa bàn đảm bảo thống nhất BCD Y tế dân số đã ban hành Văn bản số 1154/BCĐ-ATTP ngày 29/7/2019 của Ban chỉ đạo Y tế - Dân số Lào Cai về giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo, giới thiệu sản phẩm thực phẩm do đó cơ bản việc quản lý quảng cáo thực phẩm đảm bảo theo quy định.

b) Tồn tại: Hiện nay một số tổ chức cá nhân đã lợi dụng việc thực hiện công tác quảng cáo thực phẩm để thực hiện khám chữa bệnh, bán hàng thực phẩm khi thực hiện quảng cáo

c) Đề xuất sửa đổi: Không

### **V. QUY ĐỊNH VỀ GHI NHÃN THỰC PHẨM**

a) Kết quả đạt được: Hầu hết các sản phẩm trên địa bàn được đóng gói, công bố trên địa bàn đều thực hiện đúng các nội dung ghi nhãn theo qui định, đảm bảo được các tiêu chí cần tra cứu của người tiêu dùng, công khai địa chỉ sản xuất, tổ chức nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm.

b) Tồn tại: tuy nhiên qua thời gia áp dụng cùng với sự phát triển đa dạng của sản phẩm đến nay nhiều loại thực phẩm bổ sung, tăng cường các vi chất... mới ra đời nên cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển này.

c) Đề xuất sửa đổi bổ sung nhóm thực phẩm chức năng bao gồm các loại (thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường các vi chất...) để dễ phân biệt và thực hiện.

### **VI. KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM, NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN QUA THỰC PHẨM, PHÂN TÍCH NGUY CƠ ĐỐI VỚI ATTP, PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ VỀ ATTP.**

#### **1. Công tác kiểm nghiệm thực phẩm**

a) Kết quả đạt được

Từ năm 2011-2020, ngành Y tế Lào Cai đã thực hiện lấy mẫu labo 3.101 mẫu, kết quả: đạt 2.734/3.101 mẫu (88.1%), các mẫu không đạt chủ yếu là các sản phẩm đá, nước lọc có chỉ tiêu vi sinh vượt quá giới hạn, thực hiện test nhanh 32.590, đạt 31.655/32.590 mẫu (97.1%) các mẫu không đạt chủ yếu là Phở dương tính với fooc mon, rượu dương tính với methanol, rau dương tính với thuốc BVTV các mẫu không đạt đã được xử lý theo quy định. Hằng năm, các đơn vị y tế tuyến tỉnh đến xã đã tham mưu xây dựng kế hoạch giám sát nguy cơ ô nhiễm và cảnh báo, truyền thông đối với các mẫu không đạt.

Căn cứ hướng dẫn Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, ngành nông nghiệp đã tổ chức 61 đợt giám sát,

hậu kiểm theo các chuyên đề; tổ chức lấy 979 mẫu nông sản để phân tích trên 1879 lượt chỉ tiêu về đảm bảo chất lượng ATTP. Kết quả 436 mẫu đạt, phát hiện 12 mẫu vi phạm đã tổ chức xử lý theo quy định. Ngoài ra, phát hiện 195 mẫu chỉ tiêu có tồn dư nitrat, kim loại nặng và thuốc BVTV tuy nhiên đều trong giới hạn cho phép và các loại thuốc đều được phép sử dụng trên rau, quả, chè theo quy định. Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành văn bản đề nghị các cơ sở kiểm tra, xem xét, điều chỉnh lại quy trình sản xuất, chế biến đồng thời đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo phòng chuyên môn tích cực tuyên truyền vận động, giám sát đối với các cơ sở nêu trên.

#### b) Tồn tại

- Đối với tỉnh Lào Cai hiện nay Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lào Cai đã được cấp ISO 17025, tuy nhiên số chỉ tiêu đạt còn ít và vẫn chưa được chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước. Do đó, các mẫu kiểm nghiệm phục vụ hậu kiểm vẫn phải gửi về trung ương.

- Kinh phí cho hoạt động kiểm nghiệm còn thấp chưa đáp ứng với yêu cầu kiểm nghiệm số lượng sản phẩm hậu kiểm và sản phẩm trên thị trường, mỗi năm chỉ lấy mẫu giám sát được khoảng 30% tổng số mẫu nông sản thực phẩm cần lấy mẫu giám sát.

#### c) Đề xuất sửa đổi: không

### **2. Tình hình ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm**

Từ năm 2011 tới nay, toàn tỉnh xảy ra 69 vụ ngộ độc thực phẩm làm 907 người mắc, 14 trường hợp tử vong. Trong đó có 05 vụ trên 30 người mắc. Các vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra đều được điều tra, xác minh kịp thời. Những vụ việc phức tạp được sự hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn của các cơ quan cấp trên Cục An toàn thực phẩm, Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia, Trung tâm chống độc Bệnh viện Bạch Mai và các đơn vị có liên quan không để dư luận xấu trong xã hội.

#### b) Tồn tại:

- Vẫn còn một số vụ ngộ độc không tìm được nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm do không lấy được mẫu bệnh phẩm, mẫu thực phẩm để kiểm nghiệm

- Nhiều cán bộ y tế còn yếu trong kỹ năng điều tra, định hướng nguyên nhân gây ra các vụ ngộ độc dẫn đến khó khăn trong việc tìm nguyên nhân

- Chưa xử phạt được cơ sở nào gây ra ngộ độc thực phẩm do không tìm được căn nguyên và mức xử phạt đối với hành vi này là rất cao.

#### c) Đề xuất sửa đổi: Không

### **3. Công tác phân tích nguy cơ đối với ATTP**

#### a) Kết quả đạt được:

- Từ năm 2011-2021 Lào Cai đã thực hiện lấy mẫu labo 3101 mẫu, kết quả: đạt 2734/3101 mẫu (88.1%), các mẫu không đạt chủ yếu là các sản phẩm đá, nước lọc có chỉ tiêu vi sinh vượt quá giới hạn, thực hiện test nhanh 32.590, đạt 31.655/32.590 mẫu (97.1%) các mẫu không đạt chủ yếu là Phở dương tính với foco mon, rượu dương tính với methanol, rau dương tính với thuốc BVTV các mẫu không đạt đã được xử lý theo quy định

- Qua công tác xét nghiệm labo và test nhanh các sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao nhằm đánh giá mối nguy đối với từng nhóm sản phẩm để đưa ra kế hoạch cũng như văn bản đề nghị các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý về các sản phẩm không đảm bảo an toàn.

b) Tồn tại

- Việc triển khai thực hiện còn nhiều bất cập do khó khăn về kinh phí; việc điều tra, đánh giá nguy cơ ô nhiễm thực phẩm còn chưa được coi là nhiệm vụ ưu tiên trong chủ động ứng phó với ô nhiễm thực phẩm.

- Việc lấy mẫu kiểm nghiệm, phân tích nguy cơ gây mất ATTP còn ít, chủ yếu tập trung vào các cơ sở có đăng ký kinh doanh nên chưa phản ánh đúng, đầy đủ thực trạng ATTP tại địa phương

- Việc báo cáo, phân tích và xử lý số liệu chưa được kịp thời và sát với thực tế công tác quản lý ATTP; lượng mẫu quá nhỏ nên chưa sát với tình hình.

- Nhiều hoạt động trong kiểm soát nguy cơ gây mất ATTP chưa được thực hiện như: Điều tra mối nguy, thực hiện các giải pháp hạn chế nguy cơ ATTP trong từng công đoạn của chuỗi cung cấp thực phẩm.

c) Đề xuất sửa đổi: Không

4. Công tác phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về ATTP

a) Kết quả đạt được: Để giảm thiểu các vụ ngộ độc thực phẩm nói chung, các vụ ngộ độc thực phẩm nói riêng, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và các đơn vị liên quan trong những năm qua đã thực hiện rất nhiều các biện pháp, trong đó công tác truyền thông vẫn là nội dung được đặc biệt chú trọng quan tâm.

Hàng năm, phối hợp với Đài phát thanh truyền hình thực hiện các phóng sự, chuyên mục truyền hình về ATTP chuyển thể sang phát thanh bằng 4 thứ tiếng Kinh, Mông, Dao, Dáy; viết hàng trăm tin bài tuyên truyền, cấp phát hàng chục nghìn tờ rơi, post tuyên truyền về ngộ độc thực phẩm và cách phòng tránh...; hướng dẫn tuyến huyện, xã triển khai thông tin trên loa phát thanh của thôn, xã, tuyên truyền tại hội nghị tuyên vận, tại các buổi họp thôn, các chợ phiên...

Bên cạnh đó, còn mở các lớp tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho ban chỉ đạo ATTP tuyến huyện, xã cán bộ y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến xã. Trong đó có các lớp tập huấn chuyên sâu mời giảng viên của Trung ương về ngộ độc thực phẩm, cách điều tra, xử trí ngộ độc thực phẩm.

Định kì tổ chức giám sát, hỗ trợ chuyên môn tuyến huyện, xã công tác đảm bảo ATTP nhằm xây dựng hệ thống đồng bộ đáp ứng được yêu cầu thực tế.

Các vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra đều được điều tra, xác minh kịp thời. Những vụ việc phức tạp được sự hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn của các cơ quan cấp trên Cục ATTP, Viện Kiểm nghiệm ATTP Quốc gia, Trung tâm chống độc bệnh viện Bạch Mai và các đơn vị có liên quan không để dư luận xấu trong xã hội.

b) Tồn tại: Mặc dù đã triển khai khá nhiều các biện pháp nhằm phòng chống ngộ độc thực phẩm, tuy nhiên các vụ ngộ độc vẫn còn xảy ra và chưa có nhiều chuyển biến tích cực. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế người dân vẫn còn nhiều khó khăn, tập quán ăn uống thực phẩm không đảm bảo, sự bất đồng về ngôn ngữ, điều kiện đi lại còn khó khăn, kinh phí cho hoạt động truyền thông quá ít, trình độ chuyên môn cán bộ tuyến cơ sở nhiều nơi còn hạn chế, cán bộ y

tế cơ sở còn mỏng, thường xuyên luân chuyển vị trí công tác gây khó khăn cho hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức của nhân dân.

c) Đề xuất sửa đổi: Không

## **VII. TRUY XUẤT NGUỒN GỐC, THU HỒI VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI THỰC PHẨM KHÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN**

### **1. Công tác truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn.**

a) Kết quả đạt được:

Các qui định về truy xuất nguồn gốc đã đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý.

- Năm 2016, tỉnh Lào Cai đã tiến hành truy xuất, xử lý và giải quyết 01 vụ việc sản phẩm rau (1.045 kg) xuất sang Đài Loan của công ty TNHH MTV Mường Hoa, địa chỉ: Thôn Tả Van Giáy, xã Tả Van, huyện Sa Pa có tồn dư thuốc Bảo vệ thực vật vượt mức cho phép (theo VB số 358/QLCL-CL2 ngày 4/3/2016 của Cục Quản lý chất lượng NLS và TS). Tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty trên với hành vi không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (Mức phạt: 10.000.000 đồng).

- Năm 2019, đã triển khai thực hiện 01 đợt truy xuất nguồn gốc, thu hồi các sản phẩm Pa tê Minh chay bị cảnh báo không đảm bảo an toàn thực phẩm của Công ty TNHH hai thành viên Lối sống mới theo cảnh báo; Kết quả đã xác định được danh tính 61 khách hàng tại 07 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã mua và sử dụng 87 sản phẩm Pa tê minh chay. Đồng thời thông tin cảnh báo khẩn cấp cho người tiêu dùng tạm thời không sử dụng các sản phẩm trên, yêu cầu niêm phong các sản phẩm còn lại để Công ty TNHH Hai thành viên Lối sống mới đến thu hồi, bồi thường theo qui định.

b) Tồn tại: Ý thức và trách nhiệm cũng như nhận thức của người sản xuất còn chưa cao chỉ khi có sự cố bất thường công tác truy xuất mới được triển khai và thực hiện.

### **2. Công tác thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn**

a) Kết quả đạt được: đã đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý

b) Tồn tại: Không

c) Đề xuất sửa đổi: Không

## **VIII. THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

### **1. Về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính**

a) Kết quả đạt được:

Công tác phân công, phân cấp quản lý các cơ sở thực phẩm giữa các ngành, các cấp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Ngành y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến xã hằng năm chủ trì tham mưu cho UBND các cấp thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành trong các đợt cao điểm như Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, mùa lễ hội đầu xuân, Tháng hành động, Tết Trung thu và kiểm tra chuyên ngành theo kế hoạch.

Kết quả thanh tra, kiểm tra như sau: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 8.625 cơ sở, trong 10 năm đã thực hiện kiểm tra 71.680 lượt cơ sở, 61.665 lượt cơ sở đạt (chiếm 86%, tỷ lệ cơ sở được kiểm tra đạt tiêu chuẩn tăng từ 70,7% năm 2011 lên 92,2% năm 2020), xử phạt vi phạm hành chính với 1.089 lượt cơ sở với tổng số tiền 1.869.158.000đ.

b) Tồn tại:

Công tác thanh tra, kiểm tra đã được tăng cường, tuy nhiên do là tỉnh vùng cao biên giới có nhiều cửa khẩu, lối mòn, lối mở do vậy hoạt động kinh doanh hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc BVTV ngoài danh mục vẫn còn xảy ra.

Việc đánh giá các cơ sở thực phẩm chưa sát với yêu cầu về điều kiện ATTP theo qui định, việc thanh tra, kiểm tra trên địa bàn không có sự đồng nhất về đánh giá các điều kiện cơ sở thực phẩm trên địa bàn do các văn bản hướng dẫn của các ngành nông nghiệp, y tế, công thương có sự khác nhau về các tiêu chí đánh giá, phương pháp đánh giá; nhân lực và cơ quan chuyên môn thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành thiếu đồng nhất về bộ máy quản lý.

c) Đề xuất sửa đổi: Đề nghị đưa công tác quản lý ATTP về một đầu mối để tập chung nhân lực thực hiện tốt nhiệm vụ này

**2. Về xử lý hình sự:** Trong 10 năm thực hiện Luật, tỉnh Lào Cai không có xử lý hình sự liên quan đến lĩnh vực ATTP

### Phần thứ 3

## KẾT LUẬN, ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ CÁC GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ

### I. KẾT LUẬN, ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Kết luận, đánh giá về Luật An toàn thực phẩm

##### 1.1. Kết quả đạt được

Qua 10 năm thực hiện Luật, đã giúp các cơ quan quản lý ATTP từ tuyến tỉnh đến tuyến xã thực hiện hiệu quả 1 số nội dung như phân công công tác quản lý ATTP giữa 3 ngành Y tế, Nông nghiệp, Công Thương; Phân cấp quản lý giữa các tuyến từ tỉnh đến xã, việc thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện, thanh tra, kiểm tra...

- Hệ thống chính sách, pháp luật quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo ATTP nông lâm thủy sản được hoàn thiện, tạo ra hành lang chính sách và pháp lý cơ bản đầy đủ, chặt chẽ để tạo điều kiện, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản an toàn cũng như trong triển khai công tác quản lý, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm.

##### 1.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc

- Tồn tại: Chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển chung của xã hội, chưa dự báo hết sự phát triển trong lĩnh vực ATTP nên thường xuyên phải sửa đổi, thay thế các văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện Luật.

+ Khi giao cho 3 ngành cùng thực hiện 1 lĩnh vực, lực lượng cán bộ quản lý nhà nước về ATTP còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn, đặc biệt

các cán bộ tuyến cơ sở không có chuyên môn sâu về ATTP dẫn đến việc hiểu và áp dụng văn bản không đúng.

- Khó khăn: Lào Cai là một tỉnh biên giới địa hình rộng, chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, đường biên giới dài vì vậy việc kiểm tra, kiểm soát thực phẩm qua biên giới, vùng cao còn chưa triệt để; các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm trên địa bàn chủ yếu là sản xuất nhỏ, thủ công nên khó áp dụng được các mô hình quản lý ATTP tiên tiến như HACCP, GMP...; nhiều bếp ăn tập thể chưa đủ điều kiện ATTP như bếp ăn lưu động theo công trình, bếp ăn bán trú dân nuôi...; kinh tế của đồng bào miền núi còn nghèo, còn nhiều phụ nữ vùng cao không biết chữ, nhận thức về ATTP còn hạn chế; ý thức trách nhiệm người tiêu dùng chưa thực sự quan tâm đầy đủ và cương quyết đấu tranh với hành vi vi phạm điều kiện ATTP.

- Vướng mắc về tổ chức bộ máy: đối với hệ thống tuyến tỉnh ngành Công Thương không có đơn vị chuyên môn mà thực hiện công tác kiêm nhiệm; tuyến huyện đối với ngành Nông nghiệp, Công Thương chưa có đơn vị đầu mối mà thực hiện kiêm nhiệm, tuyến xã không có đủ nguồn lực về con người cho hệ thống ngành Công Thương, Nông nghiệp.

1.3. Nguyên nhân: Do công tác quản lý ATTP bị chia làm nhiều đầu mối dẫn đến không tập trung, không thống nhất trong thực hiện các nội dung như công tác xây dựng kế hoạch, cấp giấy, kiểm tra, thanh tra, giám sát, báo cáo không mang tính đồng bộ mất nhiều nhân lực hơn trong công tác tham mưu và thực hiện.

2. Đánh giá và đề xuất giải pháp tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật về ATTP

- Qua 10 năm thực hiện Luật ATTP, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu thực tế, đời sống của người dân đã có nhiều thay đổi cả trong nước và quốc tế. Do đó, đề nghị các cơ quan chức năng sớm tổ chức tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện Luật An toàn thực phẩm để kịp thời sửa đổi, bổ sung các nội dung phù hợp với tình hình thực tiễn công tác quản lý an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay và phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

## **II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP**

### **1. Đề nghị Quốc hội**

Đề nghị sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Luật An toàn thực phẩm cho phù hợp thực tiễn hiện nay, nhằm: Tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; vai trò quản lý Nhà nước về ATTP của các cơ quan chức năng; vị trí, vai trò, trách nhiệm của các ban, ngành, MTTQ, đoàn thể nhân dân và cộng đồng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả đảm bảo ATTP. Sau mỗi lần, tổng kết đánh giá đề nghị Quốc hội có văn bản đánh giá hoặc trả lời các vấn đề về ATTP của các địa phương, cụ thể như:

- Sửa đổi điểm e, khoản 1, Điều 19 và khoản 1, Điều 25 hoặc chỉ đạo để có sự thống nhất giữa Luật với các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh với Luật cụ thể:

Tại điểm e, khoản 1, Điều 19 (quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm): Luật yêu cầu tuân thủ quy

định về sức khỏe, kiến thức và thực hành của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; khoản 1, Điều 25 Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm: Luật yêu cầu bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 19 của Luật.

Trong khi đó: Tại điểm b, khoản 8, Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đã ***bãi bỏ khoản 1 Điều 21 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP*** ngày 01/7/2016 của Chính phủ, trong đó có yêu cầu **chủ cơ sở có giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và PTNT và đáp ứng yêu cầu về sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.**

## 2. Đề nghị Chính phủ

- Đề nghị đánh giá các mô hình quản lý an toàn thực phẩm tại các địa phương để triển khai mô hình quản lý chung trong toàn quốc theo hướng sáp nhập về 1 đầu mối từ trung ương đến địa phương để thuận lợi cho việc tham mưu, thực hiện quản lý ATTP từ Trung ương đến cơ sở, đảm bảo cho củng cố hệ thống mạng lưới và phát triển nguồn lực.

- Đề nghị Chính phủ tăng mức đầu tư kinh phí về ATTP, đặc biệt cho các hoạt động sự nghiệp như truyền thông, nâng cao nhận thức về ATTP cho đồng bào vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn của các tỉnh miền núi; thanh tra, kiểm tra và giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm qua biên giới.

- Tại khoản 8, Điều 3 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định "*Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ là cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác các nguyên liệu thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*". Đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi thành "*Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ là cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác các nguyên liệu thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký **hộ kinh doanh cá thể***". Lý do: đảm bảo phù hợp với Luật đăng ký doanh nghiệp và các văn bản quy định khác có liên quan.

- Đề nghị Chính phủ xem xét bổ sung loại hình cơ sở giết mổ nhỏ lẻ vào Điều 12 quy định cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Nghị định. Lý do: Tại Điều 12 của Nghị định và Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT, **không quy định cơ sở giết mổ nhỏ lẻ vào diện cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**; điều này dẫn đến cách hiểu khác nhau khi hướng dẫn triển khai thực hiện ở cơ sở.

## 3. Đề nghị Bộ Công Thương

Đề nghị Bộ Công thương xem xét, nghiên cứu có văn bản giao quyền cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố thực hiện việc tập huấn và xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Luật An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai báo cáo Bộ Y tế tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở: Y tế, NN và PTNT, Công Thương;
- Chi cục ATVSTP tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, TH3, NLN2, KT1, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Giàng Thị Dung**



**Phụ lục 1**  
**HỆ THỐNG VĂN BẢN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT**  
**VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM DO CÁC CƠ QUAN BAN HÀNH**

<b>TT</b>	<b>Số hiệu văn bản</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>	<b>Ngày phát hành</b>
<b>I</b>	<b>TỈNH ỦY</b>		
1	27-CT/TU	Chỉ thị số 27-CT/TU về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn thực phẩm trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai	15/11/2012
2	07-CT/TU	Chỉ thị số 07-CT/TU về việc tiếp tục tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai	14/01/2016
3	95-KL/TU	Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới	09/06/2016
<b>II</b>	<b>UBND TỈNH</b>		
1	66/KH-UBND	Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển sự nghiệp Y tế tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011-2015”	11/05/2012
2	86/KH-UBND	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 201-2020 và tầm nhìn 2030	10/07/2012
3	11 kế hoạch của UBND tỉnh	Kế hoạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Lào Cai năm 2011...2021	

4	2561/UBND-VX	Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố	15/07/2013
5	2648/UBND-VX	Tăng cường các biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm	22/07/2013
6	1370/UBND-VX	Triển khai quyết liệt các biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn tập thể	02/04/2014
7	2452/UBND-VX	Thực hiện nghiêm công tác đảm bảo an toàn thực phẩm tại các khu vực cửa khẩu	30/06/2014
8	976/UBND-VX	Tăng cường tuyên truyền, kiểm soát ATTP tại cơ sở chế biến suất ăn sẵn, bếp ăn tập thể và dịch vụ ăn uống	19/03/2015
9	2783/UBND-VX	Tăng cường thực hiện công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh	01/07/2015
10	2809/UBND-VX	Về việc thực hiện công tác ATTP trên địa bàn tỉnh	15/06/2016
11	394/UBND-VX	V/v triển khai thực hiện Chỉ thị 07-CT/TU của Tỉnh ủy về tăng cường bảo đảm ATTP	28/02/2016

12	2671/UBND-VX	Tăng cường trách nhiệm, hiệu quả quản lý an toàn thực phẩm	09/06/2017
12	2901/UBND-VX	V/v thực hiện Kế luận số 11-KL/TW ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về ATTP	21/06/2017
13	3956/UBNDVX	Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, quản lý ATTP	17/08/2017
14	46/2017/QĐ-UBND	Quyết định sửa đổi bổ sung 1 số điều của Quy định quản lý ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh thức ăn đường phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai (ban hành kèm theo QĐ 37/2014/QĐ-UBND)	29/12/2017
15	44/UBND-VX	V/v nâng cao trách nhiệm phòng tránh sự cố ATTP	05/01/2018
16	1182/UBND-VX	V/v nâng cao chất lượng công tác ATTP trên địa bàn, giảm thiểu NĐTP	30/03/2018
17	2138/QĐ-UBND	Quyết định ban hành Bảng điểm kiểm tra công tác ATTP của UBND huyện, thành phố	09/07/2018
18	2071/UBND-VX	V/v đảm bảo ATTP khi tiếp nhận thực phẩm tài trợ của các tổ chức, cá nhân	15/05/2019
19	2212/QĐ-UBND	Quyết định ban hành Bảng điểm kiểm tra công tác ATTP của UBND huyện, thành phố	23/07/2019
20	2601/UBND-VX	V/v thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ	11/06/2020
21	5131/UBND-VX	V/v tăng cường các biện pháp đảm bảo ATTP tại bếp ăn tập thể trên địa bàn tỉnh	06/11/2020

		10 Kế hoạch đảm bảo ATTP trong dịp Tết nguyên đán	
		10 Quyết định thành lập các đoàn kiểm tra cấp tỉnh trong dịp Tết nguyên đán	
		10 Kế hoạch đảm bảo ATTP trong Tháng hành động vì ATTP	
		10 kế hoạch kiểm tra ATTP trong Tháng hành động	
		10 Quyết định thành lập các đoàn kiểm tra cấp tỉnh trong Tháng hành động	
		10 Kế hoạch đảm bảo ATTP trong dịp Tết Trung thu	
		10 Quyết định thành lập các đoàn kiểm tra cấp tỉnh trong dịp Tết Trung thu	
<b>III</b>	<b>Ban Chỉ đạo ATTP tỉnh</b>		
1	812/BCĐ-ATTP	Triển khai các biện pháp đảm bảo ATTP phòng chống ngộ ngộ độc thực phẩm tại các khu du lịch và trong lễ hội	23/08/2011
2	949/BCĐ-ATTP	Tăng cường kiểm soát thực phẩm phòng tránh ngộ độc thực phẩm	10/10/2013
3	304/BCĐ-ATTP	Quản lý các cơ sở thực phẩm trong khu vực cửa khẩu	11/04/2014

4	813/BCĐ-ATTP	Quản lý an toàn thực phẩm phòng tránh ngộ độc thực phẩm tại khu du lịch	17/08/2015
5	981/BCĐ-ATTP	Triển khai các biện pháp phòng tránh NĐTP và bệnh truyền qua thực phẩm	31/9/2015
6	230/BCDYTDS	V/v giao nhiệm vụ thường trực BCĐ ATTP các huyện, thành phố	06/03/2018
7	1151/BCDYTDS	V/v giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo, giới thiệu sản phẩm thực phẩm	26/07/2019
IV	Các Sở Y tế, Nông nghiệp, Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ được phân công, phân cấp có các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai đầy đủ theo quy định.		

**Phụ lục 2**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP**

Đối tượng		2011		2012		2013		2014		Năm 2015	
		Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh
Địa phương	1. Nông nghiệp							20		25	
	2. Y tế	97	600	62	167	34	196	15	210	7	210
	3. Công Thương										
<b>Tổng số</b>		<b>97</b>	<b>600</b>	<b>62</b>	<b>167</b>	<b>34</b>	<b>196</b>	<b>35</b>	<b>210</b>	<b>32</b>	<b>210</b>

Đối tượng		Năm 2016		2017		2018		2019		2020		2021	
		Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh
Địa phương	1. Nông nghiệp	53		40		20		25		16		35	
	2. Y tế	8	270	4	140		191		195		180		248
	3. Công Thương						1	1	1	2	2	4	
<b>Tổng số</b>		<b>61</b>	<b>270</b>	<b>44</b>	<b>140</b>	<b>20</b>	<b>192</b>	<b>26</b>	<b>196</b>	<b>18</b>	<b>182</b>	<b>39</b>	<b>248</b>

**Phụ lục 3**  
**HỆ THỐNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Số phòng KN đạt ISO 17025</b>	<b>Số phòng KN được chỉ định phục vụ QLNN</b>	<b>Số phòng KN xã hội hóa được chỉ định phục vụ QLNN</b>
1	2011	1			
2	2012	1			
3	2013	1			
4	2014	1	1		
5	2015	1	1		
6	2016	1	1		
7	2017	1	1		
8	2018	1	1		
9	2019	1	1		
10	2020	1	1		
11	2021	1	1		

**Phụ lục 4**  
**CÔNG TÁC THÔNG TIN, GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VỀ ATTP**

TT	NĂM	HỘI THẢO, TẬP HUẤN, ĐÀO TẠO, CUỘC THI	PHÁT THANH	TRUYỀN HÌNH	BÀI TUYÊN TRUYỀN, BÁO	ĐỘI TUYÊN TRUYỀN CƠ ĐỘNG	POSTER, ÁP PHÍCH	BĂNG RÔN, KHẨU HIỆU	TỜ ROI/TỜ GẤP	THÔNG ĐIỆP	TÀI LIỆU KHÁC
1	2011	91	4.000	786	142		2.000	208	10.000		
2	2012	79	5.441	841	211		8.110	196	15.000		
3	2013	104	5.213	930	230		5.000	230	15.000		
4	2014	75	4.506	758	206		2.000	389	10.000		
5	2015		3.954	469	370		2.500	159	7.000		
6	2016		3.390	560	119			166	10.000		
7	2017		4.000	478	124			303	10.000		
8	2018		4.665	540	275		3.000	218	10.000		
9	2019	1	5.120	789	198		6.500	250	15.000		
10	2020	1	6.984	481	159		2.500	189	10.000		
11	2021						300	221	10.000		
<b>TỔNG</b>		<b>351</b>	<b>7.273</b>	<b>6.632</b>	<b>2.034</b>	<b>-</b>	<b>31.910</b>	<b>2.529</b>	<b>122.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**Phụ lục 5**  
**CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUẢNG CÁO THỰC PHẨM (không thực hiện)**

TT	NĂM	Thực phẩm chức năng/Thực phẩm bảo vệ sức khỏe		Thực phẩm khác	
		CẤP	THU HỒI	CẤP	THU HỒI
1	2011				
2	2012				
3	2013				
4	2014				
5	2015				
6	2016				
7	2017				
8	2018				
9	2019				
10	2020				
11	2021				
<b>TỔNG</b>					

**Phụ lục 6**  
**THỐNG KÊ VỀ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>Số vụ NDTP</b>	<b>Số ca mắc</b>	<b>Số ca tử vong</b>	<b>Số vụ <math>\geq 30</math> ca mắc</b>	<b>Tỉ lệ ca NDTP/100.000 dân</b>
1	2011	11	104	4		<b>14,8</b>
2	2012	8	50	0		<b>7,6</b>
3	2013	4	251	2	2	<b>38,7</b>
4	2014	9	55	3		<b>6,8</b>
5	2015	8	49	1		<b>7,2</b>
6	2016	4	23	1		<b>3,3</b>
7	2017	12	170	1	2	<b>24,2</b>
8	2018	2	26	0		<b>3,8</b>
9	2019	2	12	0		<b>1,7</b>
10	2020	5	69	0		<b>9,2</b>
11	2021	4	98	2	1	<b>13,1</b>

**Phụ lục 7**  
**THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ ATTP**

STT	Năm	Số lượng đoàn thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Số cơ sở vi phạm				Số cơ sở bị xử phạt nhưng chậm nộp phạt	Số cơ sở bị phạt tiền	Số tiền phạt
					Vi phạm Quảng cáo	Vi phạm ghi nhãn	Vi phạm điều kiện ATTP	Vi phạm khác			
1	2011	272	5.572	3.942			1.630			30	28,2
2	2012	231	8.733	7.115			1.618			24	21,2
3	2013	272	4.941	4.151			790			23	29,9
4	2014	330	4.910	4.075			835			22	50,8
5	2015	354	7.396	6.345			1.051			136	153,9
6	2016	425	8.820	7.600			1.220			151	306,7
7	2017	395	8.025	6.662			1.363			141	231,2
8	2018	449	11.885	10.003			1.882			190	310,9
9	2019	512	9.478	8.750			728			233	462,3
10	2020	595	7.845	7.232			613			152	272,6

11	2021	587	7.777	7.140			637			368	1.145,9
<b>Tổng số</b>		<b>4422</b>	<b>85.382</b>	<b>73.015</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12367</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1470</b>	<b>3.013,6</b>

**Phụ lục 8**  
**NHÂN LỰC LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

STT	Năm	Cấp tỉnh			Cấp huyện			Cấp xã		
		Y tế	Nông nghiệp	Công Thương	Y tế	Nông nghiệp	Công Thương	Y tế	Nông nghiệp	Công Thương
1	2011	11			41			164		
2	2012	14			43			164		
3	2013	18	6	2	46	9	9	164		
4	2014	18	8	2	50	9	9	164		
5	2015	17	10	2	54	9	9	164		
6	2016	16	14	2	51	9	9	164		
7	2017	15	14	2	44	9	9	164		
8	2018	14	15	2	46	9	9	164		
9	2019	14	15	2	45	9	9	164		
10	2020	15	15	2	45	9	9	152		
11	2021	15	15	2	43	9	9	152		

**Phụ lục 9**  
**KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

STT	Năm	Nguồn kinh phí trung ương				Nguồn kinh phí địa phương				Nguồn kinh phí khác	Tổng kinh phí
		Chi thường xuyên		Chương trình mục tiêu quốc gia		Chi thường xuyên		Chương trình mục tiêu quốc gia			
		Thanh tra, kiểm tra	đầu tư cơ sở vật chất	Thanh tra, kiểm tra	đầu tư cơ sở vật chất	Thanh tra, kiểm tra	đầu tư cơ sở vật chất	Thanh tra, kiểm tra	đầu tư cơ sở vật chất		
1	2011			1.855		893					<b>2.748</b>
2	2012			4.530		1.164					<b>5.694</b>
3	2013			3.445		1.568					<b>5.013</b>
4	2014			2.000		2.263					<b>4.263</b>
5	2015			1.954		2.561					<b>4.515</b>
6	2016			462		2.048					<b>2.510</b>
7	2017			2.650		2.590					<b>5.240</b>
8	2018			1.520		2.258				361	<b>4.139</b>
9	2019			1.520		2.835					<b>4.355</b>
10	2020			1.805		2.687					<b>4.492</b>
11	2021					3.104					<b>3.104</b>